

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động
trên địa bàn thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 244/TTr-SNV ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*nl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP. UBND TP (3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, MK. *nl*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn thành phố Cần Thơ
(Kèm theo Quyết định số 1207 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ (gọi chung là hòa giải viên lao động cấp tỉnh); Hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Văn hóa - Xã hội (gọi chung là hòa giải viên lao động cấp xã) đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3; được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

CHƯƠNG II TIÊU CHUẨN, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 3. Tiêu chuẩn của hòa giải viên lao động

1. Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự, có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt.

2. Có trình độ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến quan hệ lao động.

3. Không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Điều 4. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động

1. Lập kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động

a) Quý I hằng năm, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý để lập kế hoạch và báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 3 hằng năm;

b) Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch của các Phòng Văn hóa - Xã hội và kế hoạch của Sở đề xây dựng thành kế hoạch chung của toàn thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động

a) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Nội vụ có văn bản thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi Phòng Văn hóa - Xã hội để phối hợp thực hiện;

b) Trong thời hạn đăng ký ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động của Sở Nội vụ, cá nhân trực tiếp đăng ký hoặc được các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác giới thiệu tham gia dự tuyển hòa giải viên lao động với Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội.

Hồ sơ dự tuyển gồm: Đơn dự tuyển hòa giải viên lao động; sơ yếu lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế; bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu các văn bằng, chứng chỉ liên quan; văn bản giới thiệu tham gia làm hòa giải viên lao động của các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm rà soát người đủ tiêu chuẩn, tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Nội vụ thẩm định các hồ sơ dự tuyển (kể cả các hồ sơ do Sở Nội vụ trực tiếp nhận), lựa chọn và lập danh sách vị trí bổ nhiệm của từng hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ và của Phòng Văn hóa - Xã hội, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, bổ nhiệm;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định bổ nhiệm hòa giải viên lao động. Thời hạn bổ nhiệm hòa giải viên lao động tối đa không quá 05 năm.

3. Bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động

a) Ít nhất 03 tháng trước khi kết thúc thời hạn bổ nhiệm, nếu hòa giải viên lao động có nhu cầu tiếp tục làm hòa giải viên lao động thì gửi đơn đề nghị bổ nhiệm lại đến Sở Nội vụ;

b) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; kết quả rà soát tiêu chuẩn, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo phân cấp quản lý, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị bổ nhiệm lại của hòa giải viên lao động, Sở Nội vụ có văn bản trình

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định bổ nhiệm lại đối với các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Sở Nội vụ, Phòng Văn hóa - Xã hội công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ theo quy định.

Điều 5. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin thôi làm hòa giải viên lao động;

b) Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 quy chế này.

c) Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật;

d) Có 02 năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế quản lý hòa giải viên lao động;

đ) Từ chối nhiệm vụ hòa giải từ 02 lần trở lên khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng theo quy định tại quy chế quản lý hòa giải viên lao động.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin thôi làm hòa giải viên lao động của hòa giải viên lao động, Sở Nội vụ có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, miễn nhiệm hòa giải viên lao động;

b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều này, Sở Nội vụ căn cứ báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội và kết quả rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, miễn nhiệm hòa giải viên lao động;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định miễn nhiệm hòa giải viên lao động.

CHƯƠNG III NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CHẾ ĐỘ, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 6. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Nhiệm vụ chung

a) Hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề;

b) Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể;

b) Hỗ trợ tư vấn pháp luật cho tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp khi có đủ điều kiện;

c) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự pháp luật;

d) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động;

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do hòa giải viên lao động trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý hòa giải viên những vấn đề phát sinh;

e) Trên cơ sở yêu cầu thực tế, cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phân công hòa giải viên lao động theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

g) Hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền của hòa giải viên lao động

1. Quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trung cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

2. Quyền hỗ trợ các bên thương lượng, thỏa thuận và đề xuất phương án giải quyết tranh chấp lao động để các bên thương lượng, thỏa thuận.

3. Quyền tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp.

Điều 8. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động được hưởng các chế độ, điều kiện hoạt động như sau:

a) Mỗi ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động do cơ quan có thẩm quyền cử được hưởng tiền bồi dưỡng mức 5% tiền lương tối thiểu tháng tính bình quân các vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ;

b) Được cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi đang công tác tạo điều kiện bố trí thời gian thích hợp để tham gia thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định;

c) Được áp dụng chế độ công tác phí quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định;

d) Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn,

ng nghiệp vụ do cấp có thẩm quyền tổ chức;

đ) Được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng về thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định;

e) Được hưởng các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hòa giải viên lao động được đảm bảo các chế độ, điều kiện hoạt động như sau:

a) Cơ quan cử hòa giải viên lao động quy định tại Điều 9 Quy chế này có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện làm việc, tài liệu, văn phòng phẩm và các điều kiện cần thiết khác để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ;

b) Kinh phí chi trả các chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 9. Thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

1. Phòng Văn hóa - Xã hội cử hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp thực hiện giải quyết các vụ việc hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra trên địa bàn địa phương quản lý.

2. Sở Nội vụ cử hòa giải viên lao động do Sở Nội vụ quản lý trực tiếp, tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Văn hóa - Xã hội theo đề nghị của địa phương.

3. Cơ quan có trách nhiệm cử hòa giải viên lao động phải khẩn trương tiến hành thủ tục cử hòa giải viên lao động sau khi tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động từ bộ phận đầu mối tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động.

4. Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp thì có thể cử nhiều hòa giải viên lao động cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động phải đảm bảo đơn giản, nhanh chóng để tạo điều kiện cho hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ.

6. Hình thức cử hòa giải viên lao động bằng văn bản và là căn cứ để giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

1. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động theo quy định như sau:

a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội hoặc hòa giải viên lao động;

Trường hợp hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng tranh chấp đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, hòa giải viên lao động phải chuyển cho Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội đang quản lý hòa giải viên lao động để phân loại xử lý;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm phân loại và có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định;

Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội ra văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định.

2. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội có thể cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết.

CHƯƠNG V

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

Điều 11. Phạm vi hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn toàn thành phố; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã và giải quyết đình công không đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Hòa giải viên lao động thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn xã, phường đó, được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra trên địa bàn; thực hiện theo phân công để giải quyết đình công không đúng trình tự, thủ tục và những nhiệm vụ khác phát sinh.

Điều 12. Nguyên tắc hòa giải tranh chấp lao động

1. Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

2. Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hòa giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.

3. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

4. Bảo đảm sự tham gia của đại diện các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

5. Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 13. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động dựa trên cách thức, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm;

b) Kết quả giải quyết (hòa giải thành hoặc không thành) gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động;

c) Hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của hòa giải viên lao động, kết quả đạt được;

d) Chấp hành phân công nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật;

đ) Những tiêu chí khác phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

2. Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 03 tiêu chí sau: hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 14. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng.

2. Chấp hành quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động.

3. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt từ 70% trở lên.

4. Kết quả hòa giải thành đạt từ 70% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động.

5. Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

Điều 15. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng.

2. Chấp hành quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động.

3. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt từ 50% trở lên.

4. Kết quả hòa giải thành đạt từ 50% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động.

5. Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

Điều 16. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chí sau:

1. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.

2. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt dưới 50%.

3. Kết quả hòa giải thành đạt dưới 50% so với số vụ tham gia hòa giải gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động.

4. Từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng.

Điều 17. Cơ quan đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

Các hòa giải viên lao động đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong đó:

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Sở và tổng hợp chung báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn thành phố; tiến hành các thủ tục thi đua khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của đơn vị và báo cáo Sở Nội vụ.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn thành phố.

2. Hằng năm rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động; xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động của thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định; thực hiện quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động, hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác theo quy định.

4. Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn. Dự trù kinh phí chi trả chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định.

5. Theo dõi, tổng hợp công tác quản lý hòa giải viên lao động và giải quyết tranh chấp lao động; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định đến Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, rà soát, kiểm toàn, xây dựng đội ngũ hòa giải viên lao động bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương trong công tác hòa giải tranh chấp lao động.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác hòa giải theo quy định.

3. Bố trí kinh phí, bảo đảm các điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp xã.

2. Lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm theo phân cấp nhằm đáp ứng đầy đủ việc giải quyết tranh chấp lao động phát sinh trên địa bàn quản lý.

3. Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định; quản lý hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác trên địa bàn quản lý.

4. Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động trên Cổng thông tin điện tử, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

5. Cử hòa giải viên lao động tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.

6. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác hòa giải trên địa bàn quản lý.

7. Dự toán kinh phí, bảo đảm các điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

8. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 5) và hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của hòa giải viên lao động, báo cáo Sở Nội vụ.

Điều 21. Trách nhiệm của người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và người lao động

1. Người sử dụng lao động và người lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và phối hợp với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thiện chí, trung thực và đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở phối hợp, hỗ trợ với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp. Trường hợp người lao động hiểu chưa đúng những quy định của pháp luật lao động thì tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có thể giải thích thêm để người lao động hiểu thống nhất và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện thống nhất Quy chế này trên địa bàn thành phố. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Nội vụ kịp thời tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật./.